

PHÒNG LƯU TRỮ ỦY BAN KHÁNG CHIẾN HÀNH CHÍNH NAM BỘ NGUỒN SỬ LIỆU VỀ NAM BỘ THỜI KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954)

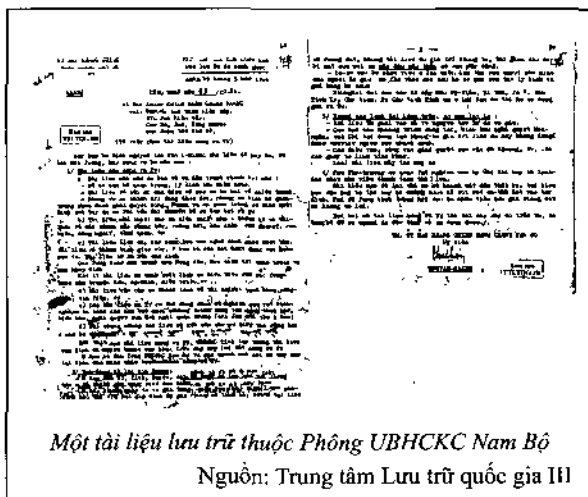
ThS. LÊ TUYẾT MAI

1. Sơ lược về Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ và Phòng lưu trữ Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ

Ủy ban Kháng chiến Hành chính (UBKCHC) Nam Bộ được thành lập theo Nghị định số: 102/CT, ngày 30/12/1947 của Chủ tịch Chính phủ, tiền thân là Ủy ban Hành chính (UBHC) Nam Bộ, Ủy ban Kháng chiến (UBKC) Nam Bộ, Ủy ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam. Theo Sắc lệnh số: 254/SL ngày 19/11/1948 về tổ chức lại chính quyền nhân dân trong thời kì kháng chiến, UBKCHC Nam Bộ được xem như là UBKCHC liên khu, có nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu như sau:

1. Thi hành các mệnh lệnh của Chính phủ.
2. Lãnh đạo công cuộc kháng chiến toàn diện trong phạm vi Nam Bộ.
3. Kiểm soát tất cả các ngành hoạt động của Nam Bộ.
4. Phụ trách việc trị an trong phạm vi Nam Bộ.
5. Điều khiển và kiểm soát UBKCHC cấp dưới.
6. Trong trường hợp cần kíp, phải giải quyết những vấn đề chưa có sắc lệnh, nghị định, chỉ thị qui định rõ thì UBKCHC Nam Bộ có thể đặt ra những qui tắc tạm thời và có thể thi hành ngay.

Ngoài ra, UBKCHC Nam Bộ được coi là UBKCHC mà sự liên lạc với Trung ương có nhiều khó khăn, nên có thêm quyền hạn như được Chính phủ ủy quyền kiểm soát về mọi mặt tất cả các ngành hoạt động của Nam Bộ,



Một tài liệu lưu trữ thuộc Phòng UBKCHC Nam Bộ
Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia III

được ủy quyền ra lệnh thiết quân luật và bãi quân luật; được phép mở các cuộc quyên góp.

UBKCHC Nam Bộ có 01 Chủ tịch, 02 phó chủ tịch và 07 ủy viên, Cơ quan giúp việc là Văn phòng; cơ quan chuyên môn trực thuộc gồm 11 sở (Sở Công chính, Sở Giao thông – Liên lạc, Sở Thông tin – Tuyên truyền, Sở Tư pháp, Sở Y tế Quân dân, Sở Giáo dục, Sở Công an, Sở Canh nông, Sở Ngân khố, Sở Tài chính, Sở Trước bạ công sản và điền thổ); 8 ban (Ban Nội vụ, Ban Kinh tế – Tài chính, Ban Xã hội và Thương binh, Ban Chấp hành Nông dân cứu quốc, Ban Y tế, Ban Sản xuất, Ban Tiếp tế miền Nam Việt Nam, Ban Quân sự); 02 phòng (Phòng Hợp tác xã, Phòng Vô tuyến điện) và 01 viện (Viện Văn hóa kháng chiến).

UBKCHC Nam Bộ hoạt động cho đến tháng 9/1954 thì đổi tên thành Ủy ban Hành chính Nam Bộ theo Quyết định của Hội

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

đồng Chính phủ về đổi tên các UBKCHC địa phương tại một phiên họp do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì. Một thời gian sau đó thì giải thể theo tinh thần của Hiệp định Giơnevơ.

Sau Hiệp định Genève 1954, tài liệu Phong lưu trữ UBKCHC Nam Bộ được chuyển ra miền Bắc, Bộ Nội vụ tiếp nhận, một thời gian sau, chuyển giao cho Kho Lưu trữ Trung ương Hà Nội (nay là Trung tâm Lưu trữ quốc gia I) bảo quản. Sau khi thành lập Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, toàn bộ tài liệu của Phong được đưa về lưu trữ ở nơi đây cho đến nay. Hiện Trung tâm Lưu trữ quốc gia III đã tiến hành chỉnh lý và phân loại tài liệu theo các mặt hoạt động: Tổng hợp, nội chính, kinh tế - tài chính, văn hóa - xã hội, đảng và đoàn thể, cuối cùng là chứng từ, hóa đơn. Tổng khối lượng tài liệu là 1163 đơn vị bảo quản, tương đương 11,5 m giá; được thống kê và lập mục lục hồ sơ, xây dựng cơ sở dữ liệu để tra tìm tự động trên máy tính.

2. Đặc điểm tài liệu Phong lưu trữ UBKCHC Nam Bộ

Phong lưu trữ UBKCHC Nam Bộ có một số đặc điểm liên quan đến khai thác sử dụng tài liệu như sau:

- Chứa đựng nhiều thông tin quan trọng về chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước; sự lãnh đạo, chỉ đạo của UBKCHC Nam Bộ và chính quyền các cấp đối với cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954; tinh thần chiến đấu anh dũng, kiên cường, bất khuất và thành quả về các mặt của quân và dân miền Nam đã giành được trong kháng chiến;

- Đa phần tài liệu là bản gốc, bản chính được đánh máy, in rônéo hoặc viết tay trên nhiều loại giấy có kích cỡ khác nhau, chủ yếu là giấy dó được sản xuất thủ công;

- Tài liệu đánh máy nói chung không có dấu. Điều này có thể ít nhiều gây khó khăn cho người đọc, nhất là người nước ngoài;

- Về thể thức văn bản, do những năm 1940, 1950 của thế kỉ trước, Nhà nước chưa ban hành đầy đủ các quy định về thể thức văn

bản, nên việc ghi Quốc hiệu, tên cơ quan ban hành văn bản, số và kí hiệu văn bản; cách đề ngày tháng, đề kí,... nhìn chung không thống nhất. Điều đáng lưu ý là nhiều văn bản không có trích yếu nội dung; một số loại văn bản nay không còn được sử dụng, như hiệu triệu, thông sức, châu tri, huấn lệnh, thông đạt,...;

- Ngôn ngữ sử dụng trong văn bản là tiếng Việt (phổ thông), nhưng cũng có một số từ ngữ là tiếng Nam Bộ như “mệnh lệnh”, “chánh quyền”, “thông nhứt”, “huê kiêu”,...;

- Tài liệu của Phong không hoàn chỉnh, một bộ phận bị “lão hóa”, chữ mờ, giấy bị ố vàng, nhất là tài liệu của những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám 1945. Nguyên nhân chính là do hoàn cảnh chiến tranh, cơ quan phải di chuyển địa điểm nhiều lần, phương tiện kĩ thuật bảo quản tài liệu có nhiều hạn chế. Mặt khác, theo Chỉ thị mật ngày 19/9/1954 của UBKCHC Nam Bộ thì chỉ chuyển ra miền Bắc những tài liệu có ý nghĩa lịch sử, tài liệu của Chính phủ và các cơ quan Trung ương gửi vào thì không cần chuyển vì những tài liệu này đã được cơ quan gửi lưu giữ (hồ sơ số 115).

3. Khái quát nội dung Phong lưu trữ UBKCHC Nam Bộ

Tài liệu lưu trữ Phong UBKCHC Nam Bộ có nội dung thông tin khá phong phú, phản ánh khá toàn diện công cuộc kháng chiến, kiến quốc của quân dân Nam Bộ và sự lãnh đạo, điều hành của chính quyền. Dưới đây là khái quát thông tin về các mặt hoạt động chủ yếu:

3.1. Thông tin tổng hợp gồm: các thông tin phản ánh tổng hợp chủ trương, đường lối kháng chiến, kiến quốc, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, UBKCHC Nam Bộ, tình hình chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội... và thành quả chiến đấu, lao động sáng tạo của quân và dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp 1945-1954. Các thông tin này chủ yếu được phản ánh trong 120 hồ sơ. Độc giả có thể tiếp cận qua các văn bản và hồ sơ như: *Lời kêu*

gọi của Hồ Chủ tịch với các nước đồng minh và đồng bào toàn quốc ngày 20/12/1946 (hồ sơ số 121); Hồ sơ Báo cáo tình hình Nam Bộ cuối năm 1945 đầu năm 1946 của UBKCHC Nam Bộ (hồ sơ số 122) v.v...; Mật điện của UBKCHC Nam Bộ gửi Hội đồng Quốc phòng tối cao về nhiệm vụ, kế hoạch, và báo cáo các công tác ở Nam Bộ năm 1950 (hồ sơ số 42); Báo cáo số 636 ngày 01/01/1949 của UBKCHC Khu 7 về các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, xã hội, giáo dục năm 1948 (hồ sơ số 4),...

3.2. Thông tin về tổ chức - cán bộ: Phân ánh về công tác xây dựng chính quyền; tổ chức bộ máy, các chủ trương, chính sách và tình hình về tinh giản tổ chức - cán bộ của các cơ quan chính quyền, cơ quan chuyên môn các cấp, như quy định chức năng, nhiệm vụ; lập, sáp nhập các đơn vị hành chính; tinh giản tổ chức và biên chế; đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, điều động, khen thưởng, kỉ luật cán bộ... Ví dụ: Nghị định số 252/NĐ-51 ngày 12/10/1951 của UBKCHC Nam Bộ về việc chia Liên khu Nam Bộ thành 2 Phân Liên khu là Phân Liên khu miền Đông và Phân Liên khu miền Tây (hồ sơ số 59); Dự án tổ chức bộ máy Kinh tài cấp tỉnh, huyện, xã của UBKCHC Nam Bộ năm 1953 (hồ sơ số 319); Châu tri số 50/TV-3 ngày 14/9/1948 của UBKCHC Nam Bộ về việc phân định lại rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của Tư pháp và Quân pháp (hồ sơ số 34); Chỉ thị số 72/SV-1 ngày 21/12/1950 của UBKCHC Nam Bộ về đào tạo cán bộ hành chính xã (hồ sơ số 44); Nghị định số 388/NĐ-NB ngày 8/10/1948 của UBKCHC Nam Bộ bổ nhiệm ông Đỗ Anh Phong làm Trưởng Ty Công an Thành Sài Gòn - Gia Định (hồ sơ số 34); Thông sắc số 553/TV ngày 16/9/1947 của Ban Thường vụ UBHC Nam Bộ về việc thành lập Tòa án Tiểu hình ở Tân An, Mỹ Tho, Sóc Trăng, Rạch Giá, Chợ Lớn, Bến Tre (hồ sơ số 5),...

3.3. Thông tin về an ninh - chính trị và trật tự xã hội: Đảm bảo an ninh - chính trị và trật tự xã hội là nhiệm vụ quan trọng và hết sức khó khăn trong thời chiến của chính quyền

các cấp. Có tới 50 hồ sơ của Phòng phản ánh về vấn đề này với các hình thức văn bản chỉ thị, lệnh, thông sắc, báo cáo, công điện... Nội dung văn bản gồm các thông tin phản ánh tinh thần, thái độ, quan điểm, hành vi của các tầng lớp nhân dân đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; chính sách tôn giáo; hoạt động của các giáo phái và chủ trương, giải pháp ứng phó của chính quyền các cấp; tình hình trật tự - trị an, cách thức, biện pháp đảm bảo trật tự trị an thời chiến của UBKCHC Nam Bộ và các cơ quan hữu quan. Có thể tiếp cận thông tin về vấn đề này qua các văn bản như: Chỉ thị số 30/TV ngày 12/01/1947 của Ban Thường vụ UBHC Nam Bộ về việc đối phó với những xuyên tạc của Pháp sau khi chúng gây sự đổ máu khắp Việt Nam (hồ sơ số 5); Chỉ thị số 45/TM ngày 10/3/1949 của Bộ Tư lệnh Chiến khu 8 về công tác vận động Cao Đài và Hòa Hảo (hồ sơ số 211); Chỉ thị số 110/SV-1 ngày 4/10/1950 của UBKCHC Nam Bộ về chủ trương chống gián điệp ở Nam Bộ (hồ sơ số 44); Nghị định số 17/NĐ-53 ngày 9/5/1953 của UBKCHC Nam Bộ trừng trị và xét xử những loại Việt gian phản động, những âm mưu và hành động phản quốc (hồ sơ số 337); Tuyên án của Tòa án Quân sự. Đặc biệt Chi đội 30 Quân khu 2 về việc tử hình bọn cướp ở Châu Đốc (hồ sơ số 150),...

3.4. Thông tin về quân sự: Tài liệu về quân sự trong Phòng lưu trữ UBKCHC Nam Bộ phản ánh các thông tin về chiến lược của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm; chủ trương, biện pháp về xây dựng lực lượng vũ trang và ứng phó với âm mưu, thủ đoạn của địch; diễn biến tình hình và thắng lợi quân sự trên các mặt trận. Có tới 70 hồ sơ phản ánh các thông tin về quân sự, được thể hiện bằng các loại văn bản như nghị quyết, hiệu triệu, báo cáo, phúc trình, nhật kí, chứng từ... Ví dụ: Văn bản chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Nam Bộ về việc bố trí quân lực tại chiến trường Nam Bộ trong năm 1949-1950 (hồ sơ số 196); Nghị quyết Hội nghị quân sự Nam Bộ từ ngày 3 đến ngày 5/9/1949 quyết nghị các vấn đề về công tác dân quân, trinh sát, quân báo, thông

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

tin liên lạc (hồ sơ số 198); Báo cáo tổng kết hoạt động tiếp vận từ tháng 01/1951 đến tháng 6/1952 của Ban Tiếp vận Phòng Quân nhu - Tài chính Nam Bộ (hồ sơ số 555); Hiệu triệu của UBKCHC Nam Bộ và Ủy ban Liên Việt Nam Bộ ngày 6/7/1954 kêu gọi đồng bào các vùng tạm chiếm ở Nam Bộ tích cực tham gia đấu tranh chống giặc hiếu chiến (hồ sơ số 1007),...

3.5. Thông tin về phong trào Thi đua ái quốc: Trong kháng chiến chống Pháp, đặc biệt từ năm 1948, sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi Thi đua ái quốc, thi phong trào thi đua được phát động rầm rộ, sôi nổi trong lực lượng vũ trang, tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng và nhân dân cả nước với mục đích phát huy lòng yêu nước của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân bằng những hành động cụ thể trong lao động sản xuất, chiến đấu và công tác để góp phần đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Trong Phòng UBKCHC Nam Bộ, thông tin về thi đua ái quốc chủ yếu được phản ánh trong 35 hồ sơ bằng các thể loại văn bản như chỉ thị, châu tri, thông cáo, báo cáo, công văn hành chính... Nội dung thông tin gồm: Sự chỉ đạo của chính quyền, các ngành, các cấp về phong trào thi đua ái quốc, tình hình thi đua và thành tích thi đua, bình xét và khen thưởng thi đua... Có thể nghiên cứu vấn đề này qua các văn bản: *Châu tri số 31/TV ngày 03/7/1948 của UBKCHC Nam Bộ về Chương trình thi đua ái quốc (hồ sơ số 34); Chỉ thị số 43/SV ngày 26/6/1950 của UBKCHC Nam Bộ về thi đua ái quốc (hồ sơ số 44); Nghị định số 130/NĐ-NB ngày 19/8/1948 của UBKCHC Nam Bộ về việc đặt ở Nam Bộ những khen thưởng thuộc thẩm quyền của Nam Bộ (hồ sơ số 33); Báo cáo ngày 17/7/1954 tổng kết phong trào thi đua nông nghiệp vụ mùa 1952 và 1953 của ngành Nông nghiệp Nam Bộ (hồ sơ số 348); Hồ sơ bình tuyến chiến thi đua 1952-1954 của Phân Liên khu Miền Tây Nam Bộ (hồ sơ số 426),...*

3.6. Thông tin về kinh tế - tài chính: Kinh tế - tài chính là tiền đề, là cơ sở vật chất

để Nhà nước tổ chức, lãnh đạo, điều hành công cuộc kháng chiến kiến quốc. Trong Phòng UBKCHC Nam Bộ, thông tin về kinh tế - tài chính chiếm khoảng 470 hồ sơ, tức gần phần nửa số lượng tài liệu của Phòng. Nội dung thông tin chủ yếu là phản ánh chủ trương, chính sách, giải pháp về kinh tế - tài chính của Nhà nước, chính quyền các cấp của Nam Bộ như phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, mậu dịch quốc doanh; các vấn đề về ngân sách, tiền tệ, thuế khóa; thành tựu và kết quả đạt được về các mặt nói trên của các cơ quan, tổ chức và quân dân Nam Bộ. Thông tin về các vấn đề này được phản ánh ở các văn bản như: *Chỉ thị số 49/CT-TW ngày 30/7/1953 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kinh tế - tài chính và sản xuất tiết kiệm (hồ sơ số 615); Chỉ thị số 37/CT.PLK.53 ngày 27/10/1953 của UBKCHC Phân Liên khu miền Đông về vấn đề bảo vệ sản xuất mùa 1954 (hồ sơ số 774); Nghị định số 54/NĐ-53 ngày 13/10/1953 của UBKCHC Nam Bộ ban hành Điều lệ tạm thời về quản lý mậu dịch giữa vùng tự do và vùng tạm bị chiếm (hồ sơ số 100); Nghị định số 306/NĐ-51 ngày 25/12/1951 của UBKCHC Nam Bộ ban hành Điều lệ tạm thời về hàng xuất nhập khẩu và thu thuế xuất nhập khẩu (hồ sơ số 59); Nghị định số 36/NĐ-NB ngày 9/02/1948 của UBKCHC Nam Bộ về việc dùng các đồng bạc nhỏ (hồ sơ số 32); Báo cáo tổng kết công tác kinh tế tài chính năm 1953 của Ban Kinh - Tài Nam Bộ (hồ sơ số 617),...*

3.7. Thông tin về tuyên truyền và văn hóa gồm: thông tin về tuyên truyền, cổ động quân dân Nam Bộ hưởng ứng thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước và chính quyền Nam Bộ về sản xuất, chiến đấu, phòng gian, bảo mật...; tổ chức kỉ niệm các ngày lễ; bài trừ các tệ nạn xã hội; quy định và thực thi các vấn đề liên quan đến xuất bản, lưu hành, kiểm duyệt báo chí và các ấn phẩm khác... Các thông tin nói trên được thể hiện bằng các loại văn bản: Chỉ thị, nghị định, công điện, báo cáo, công văn hành chính... Độc giả có

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

thể tiếp cận qua các văn bản như: *Chỉ thị số 134/SV-1* ngày 03/01/1950 của UBKCHC Nam Bộ về việc tuyên truyền sâu rộng Chiến dịch Thu Đông (hồ sơ số 44); *Công điện số 90/CD-TV* ngày 23/11/1953 của Sở Tuyên truyền và Văn nghệ Nam Bộ yêu cầu các Ty Tuyên truyền - Văn nghệ Mỹ Tho, Cần Thơ, Sóc Trăng, Long Châu Sa đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho ngày 19/12, làm Ngày Quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam đấu tranh đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam (hồ sơ 970); *Chỉ thị số 65/KH-52* ngày 25/10/1952 của UBKCHC Nam Bộ về việc cấm sách báo phản động (hồ sơ số 75); *Nghị định số 42/NĐ-54* ngày 03/6/1954 của UBKCHC Nam Bộ quy định chế độ kiểm duyệt trước khi đem phổ biến các loại ấn phẩm sách, báo, tranh, nhạc... (hồ sơ số 252); *Chỉ thị số 72/KH-52* ngày 25/11/1952 của UBKCHC Nam Bộ về trừ nạn trộm cắp và cờ bạc (hồ sơ số 75); *Chỉ thị số 23/TV-2* ngày 18/4/1949 của Ban Thương vụ UBKCHC Nam Bộ về chỉnh đốn lại Thùng thư Dân nguyện (hồ sơ số 39),...

3.8. Thông tin về giáo dục gồm: thông tin phản ánh sự chỉ đạo của UBKCHC Nam Bộ về tổ chức và hoạt động của hệ thống giáo dục Nam Bộ; về công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên; về bình dân học vụ, thanh toán nạn mù chữ, diệt giặc dốt trong nông dân... Độc giả có thể tìm đọc các thông tin này qua các văn bản như: *Nghị định số 476/NĐ-NĐ* ngày 28/11/1948 của UBKCHC Nam Bộ về việc thành lập ở Nam Bộ một trường trung học thứ hai lấy tên là Trường Trung học Thái Văn Lung (hồ sơ số 33); *Nghị định số 57/NĐ-52* ngày 16/5/1952 của UBKCHC Nam Bộ về quy chế trường tư thục (hồ sơ số 76); *Chỉ thị số 70/KH-51* ngày 28/5/1951 của UBKCHC Nam Bộ về xúc tiến việc mở lớp huấn luyện, đào tạo giáo viên dạy các lớp dự bị trong nhân dân và đào tạo hướng dẫn viên về học tập văn hóa trong các tiểu tổ đoàn thể (hồ sơ số 57); *Chỉ thị số 023/GT-BL-2* ngày 19/6/1954 của Ban Liên lạc Nông dân Nam Bộ về việc vận động phong trào chống nạn mù chữ trong nông dân (hồ sơ số 986),...

3.9. Thông tin về y tế gồm: các hồ sơ có nội dung phản ánh các thông tin về chủ trương, biện pháp đối với công tác y tế của UBKCHC và các cơ quan hữu quan của Nam Bộ. Ví dụ: *Báo cáo của Sở Quân dân y, UBKCHC Nam Bộ* ngày 15/6/1954 về đường hướng, chủ trương của Hội nghị Quân dân y tháng 4/1954 về việc Đoàn kết thống nhất Đông Tây y dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ (hồ sơ số 988); *Chỉ thị số 23/CT-53* ngày 30/4/1953 của UBKCHC Nam Bộ về việc giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, cán bộ trong cơ quan (hồ sơ số 39); *Châu tri số 15/TV-3* ngày 24/3/1948 của UBKCHC Nam Bộ về việc bắt buộc dân chúng phá tất cả cầu tiêu dưới lòng sông và dời cầu tiêu lên bờ (hồ sơ số 34)...

3.10. Thông tin về Thương binh - xã hội gồm: các hồ sơ chứa đựng thông tin về chủ trương, chính sách, chế độ của Nhà nước, Đảng và chính quyền Nam Bộ đối với đời sống của cán bộ, nhân dân, quân nhân và thương bệnh binh. Có thể nghiên cứu thông tin về các vấn đề này qua các văn bản như: *Chỉ thị số 34/CT-TWC* ngày 4/11/1952 của Trung ương Cục miền Nam về việc chăm sóc và bồi dưỡng sức khỏe cho cán bộ (hồ sơ số 288); *Quyết định số 59/NB-52* ngày 9/5/1952 của Chủ tịch UBKCHC Nam Bộ quy định về chế độ thai sản đối với nữ nhân viên làm việc trong các cơ quan quân, dân, chính Nhà nước (hồ sơ số 291); *Châu tri số 16/TV-3* ngày 05/5/1948 của UBKCHC Nam Bộ về nguyên tắc trợ cấp thương binh và gia đình chính sách, gia đình nhân viên nghèo (hồ sơ số 34); *Công văn hóa tốc* ngày 06/7/1952 của Trung ương Cục và UBKCHC Nam Bộ về chế độ cấp phát cho thương binh (hồ sơ số 75),...

3.11. Thông tin về văn thư, lưu trữ và thông tin liên lạc hành chính: Mặc dù hoạt động trong hoàn cảnh chiến tranh, cơ quan phải trải qua nhiều lần di chuyển, khó khăn, thiếu thốn về nhiều mặt, nhưng nhìn chung tài liệu hình thành trong hoạt động của UBKCHC Nam Bộ được tổ chức soạn thảo và ban hành khá nề nếp và được bảo quản khá

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

chu đáo, không để lọt vào tay địch. Nguyên nhân chính là do Chính quyền Nam Bộ đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác văn thư, lưu trữ, bảo mật, phòng gian; do ý thức và tinh thần trách nhiệm cao của cán bộ, viên chức văn thư, lưu trữ và hành chính văn phòng Có thể tiếp cận những thông tin phản ánh về vấn đề này qua các văn bản như: *Châu tri số 48/TV-3 ngày 10/9/1948 của UBKCHC Nam Bộ về sử dụng lối viết chữ Quốc ngữ trong công văn (hồ sơ số 34); Chỉ thị số 130/SV-1 ngày 27/10/1950 của UBKCHC Nam Bộ về cách dùng tiêu đề trên các công văn (hồ sơ số 44); Chỉ thị số 52/KH-51 ngày 23/11/1951 của UBKCHC Nam Bộ về việc gửi thư đi các nơi (hồ sơ số 30); Chỉ thị số 22/KH-51 ngày 23/1/1951 của UBKCHC Nam Bộ quy định về trách nhiệm của các cơ quan trực thuộc đối với việc phát hành công văn, tài liệu (hồ sơ số 57); Châu tri số 65/TV-3 ngày 16/10/1948 của Ban Thường vụ UBKCHC Nam Bộ về bảo vệ tài liệu (hồ sơ số 34); Chỉ thị số 33/KH-52 ngày 11/5/1952 của UBKCHC Nam Bộ về việc bảo vệ bí mật quốc gia (hồ sơ số 58),...*

4. Tình hình hình khai thác sử dụng tài liệu Phòng lưu trữ UBKCHC Nam Bộ

Phòng lưu trữ UBKCHC Nam Bộ tuy là một phòng đóng, nhưng đã thu hút được sự quan tâm của khá nhiều cơ quan và cá nhân. Tính đến nay, đã có hàng trăm lượt người đến Phòng đọc Trung tâm Lưu trữ quốc gia III trực tiếp đọc tài liệu với mục đích chính là phục vụ nghiên cứu chuyên đề và viết luận văn. Bên cạnh đó, tài liệu của Phòng còn được cán bộ Trung tâm Lưu trữ quốc gia III khai thác sử dụng để biên soạn cuốn sách nhiều tập “Nam Bộ kháng chiến (1945-1954) qua tài liệu lưu trữ”. Ngoài ra, nhiều tài liệu Phòng lưu trữ này còn được công bố, giới thiệu thông qua các cuộc triển lãm, trưng bày chuyên đề hoặc đăng tải trên các tạp chí. Ví dụ như: Trưng bày chuyên đề “Một số tư liệu, hiện vật, hình ảnh về Nam Bộ kháng chiến” nhân dịp kỉ niệm 50 năm ngày Nam Bộ kháng chiến (23/9/1945-23/9/1995); hay như bài viết của Nguyễn Minh Sơn “Một số ý kiến của đồng

chí Lê Duẩn về Tổng động viên tại Hội nghị lần thứ III của UBKCHC Nam Bộ tháng 4/1950” đăng trên Tạp chí Văn thư - Lưu trữ Việt Nam số 4/2007...

Như vậy, Phòng lưu trữ UBKCHC Nam Bộ là một nguồn sử liệu về Nam Bộ thời kháng chiến chống Pháp xâm lược giành độc lập, tự do cho dân tộc, có giá trị nghiên cứu về nhiều mặt, nhất là lịch sử về tổ chức, xây dựng và củng cố chính quyền, về cuộc kháng chiến trường kì chống thực dân Pháp với tinh thần đấu tranh anh dũng, kiên cường, bất khuất của quân và dân Nam Bộ. Do đó, cần được tổ chức khoa học, sử dụng nhiều hình thức và biện pháp thích hợp để phát huy tối đa giá trị tài liệu của Phòng./.

Tài liệu tham khảo:

1. Sắc lệnh số: 63, ngày 22/11/1945 của Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước VNDCCH tổ chức các hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính, Việt Nam dân quốc Công báo, số 11 thứ sáu 30/11/1945
2. Sắc lệnh số: 254-SL, ngày 19/11/1948 của Chủ tịch Chính phủ nước VNDCCH về việc tổ chức chính quyền nhân dân địa phương trong thời kỳ kháng chiến, Việt Nam dân quốc Công báo, số 2, năm 1949
3. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng lưu trữ Bộ Nội vụ, hồ sơ số 2800: Thông tư, nghị quyết, quyết nghị của UBKCHC miền Nam Trung Bộ, UBKCHC Nam Bộ về việc thành lập, đổi tên, quy định tổ chức một số đơn vị, năm 1951, năm 1952, năm 1954
4. Lê Tuyết Mai, Phòng lưu trữ UBKCHC Nam Bộ - một nguồn sử liệu về Nam Bộ thời kháng chiến chống Pháp (1945-1954), Luận văn Thạc sĩ, năm 2011, Tư liệu Khoa Lưu trữ học & QTVP, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội
5. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Phòng lưu trữ UBKCHC Nam Bộ
6. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Nam Bộ kháng chiến 1945-1954 qua tài liệu lưu trữ, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, năm 2007
7. Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Nam Bộ kháng chiến 1945-1954, tập II: Kinh tế, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, năm 2013
8. Hội đồng Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, tập 1 (1945-1954), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 2010